**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 23/3/2020 đến 28/3/2020)**

**BÀI 32. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1.** Ý nào **không phải** sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm?

A. Dệt - may, da giày, nhựa. B. Thịt, cá hộp và đông lạnh.

C. Rau quả sấy và đóng hộp. D. Sữa, rượu, bia, nước giải khát.

**Câu 2.** Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

A. Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.

B. Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.

C. Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.

D. Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

**Câu 3.** Dầu mỏ tập trung nhiều nhất ở khu vực nào sau đây?

A. Bắc Mĩ. B. Châu Âu.

C. Trung Đông. D. Châu Đại Dương.

**Câu 4.** Than là nguồn nhiên liệu quan trọng cho

A. nhà máy chế biến thực phẩm.

B. nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

D. nhà máy thủy điện, nhà máy điện hạt nhân.

**Câu 5**. Khoáng sản nào sau đây được coi là “vàng đen” của nhiều quốc gia?

A. Than. B. Dầu mỏ.

C. Sắt. D. Mangan.

**Câu 6.** Từ dầu mỏ người ta có thể sản xuất ra được nhiều loại

A. hóa phẩm, dược phẩm. B. hóa phẩm, thực phẩm.

C. dược phẩm, thực phẩm. D. thực phẩm, mỹ phẩm.

**Câu 7.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bao gồm:

A. thịt, cá hộp và đông lạnh, rau quả sấy.

 B. dệt - may, chế biến sữa, sành - sứ - thủy tinh.

C. nhựa, sành - sứ - thủy tinh, nước giải khát.

D. dệt - may, da giày, nhựa, sành - sứ - thủy tinh.

**Câu 8.** Nguyên liệu chủ yếu của công nghiệp thực phẩm là sản phẩm của ngành

A. khai thác gỗ, khai thác khoáng sản. B. khai thác khoáng sản, thủy sản.

C. trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. D. khai thác gỗ, chăn nuôi và thủy sản.

**Câu 9.** Ý nào sau đây **không phải** vai trò của ngành công nghiệp điện lực?

A. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

B. Là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại.

C. Đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người.

D. Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước.

**Câu 10.** Ngành được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

A. công nghiêp cơ khí. B. công nghiệp điện tử - tin học.

C. công nghiệp năng lượng. D. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 11.** Ý nào sau đây **không phải** là đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

A. Không yêu cầu cao về trình độ lao động. B. Ít gây ô nhiễm môi trường.

C. Không chiếm diện tích rộng. D. Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện , nước.

**Câu 12.** Sự phát triển của công nghiệp thực phẩm có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nào sau đây?

A. Luyện kim. B. Xây dựng.

C. Nông nghiệp. D. Khai khoáng.

**Câu 13.** Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chịu ảnh hưởng nhiều bởi

A. việc sử dụng nhiên liệu, chi phí vận chuyển.

 B. thời gian và chi phí xây dựng tốn kém.

C. lao động, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

 D. nguồn nhiên liệu và thị trường tiêu thụ.

**Câu 14.** Ý nào dưới đây **không phải** vai trò của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

A. Giải quyết việc làm cho lao động. B. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

C. Phục vụ cho nhu cầu con người. D. Không có khả năng xuất khẩu.

**Câu 15.** Ti vi màu, cát sét, đồ chơi điện tử, đầu đĩa là sản phẩm của nhóm ngành nào sau đây?

A. Máy tính. B. Thiết bị điện tử.

C. Điện tử tiêu dùng. D. Điện tử viễn thông.

**Câu 16.** Ngành công nghiệp nào sau đây thường được phát triển ở nơi có dân cư đông?

A. Cơ khí B. Sản xuất hàng tiêu dùng

C. Hóa chất D. Năng lượng

**Câu 17.** Ở nước ta, vùng than lớn nhất đang khai thác thuộc tỉnh

A. Lạng Sơn. B. Hòa Bình.

C. Cà Mau. D. Quảng Ninh.

**Câu 18.** Ở nước ta hiện nay, dầu mỏ đang khai thác nhiều ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Bắc trung Bộ.

C. Đông Nam Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 19.** Ngành công nghiệp nào sau đây có khả năng giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ?

A. Công nghiệp luyện kim. B. Công nghiệp dệt.

C. Công nghiệp hóa chất. D. Công nghiệp năng lượng.

**Câu 20.** Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

A. Điện lực. B. Sản xuất hàng tiêu dùng.

C. Chế biến dầu khí. D. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

 **TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 16/3/2020 đến 21/3/2020)**

**BÀI 31- VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1.** Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất. B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới. D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 2.** Điểm giống nhau cơ bản của hai giai đoạn sản xuất công nghiệp là

A. cùng tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.

B. cùng chế biến nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tiêu dùng

C. đều sản xuất bằng thủ công. D. đều sản xuất bằng máy móc.

**Câu 3.** Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp là

A. khí hậu. B. khoáng sản C. biển D. rừng

**Câu 4.** Công nghiệp có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của

A. các ngành kinh tế. B. nông nghiệp.

C. giao thông vận tải. D. thương mại.

**Câu 5.** Tính chất hai giai đoạn của ngành sản xuất công nghiệp là do

A. trình độ sản xuất. B. đối tượng lao động.

C. máy móc, thiết bị. D. trình độ lao động

**Câu 6.** Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

A. Dân cư và nguồn lao động. B. Thị trường.

C. Đường lối chính sách. D. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

**Câu 7.** Nhân tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

A. tài nguyên thiên nhiên. B. vị trí địa lí.

C. dân cư và nguồn lao động. D. cơ sở hạ tầng.

**Câu 8.** Ý nào sau đây đúng với vai trò của ngành sản xuất công nghiệp?

A. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.

B. Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.

C. Là cơ sở để phát triển ngành chăn nuôi.

D. Tạo ra mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương, các nước.

**Câu 9.** Nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp?

A. Vị trí địa lí. B. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

C. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật. D. Thị trường

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm của công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp bao gồm hai giai đoạn.

B. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

C. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ.

D. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành.

**Câu 11.** Ý nào sau đây **không** đúng với vai trò của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn.

B. Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế.

C. Tạo ra các sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển kinh tế.

D. Luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP.

**Câu 12.** Ý nào sau đây **không** đúng với tính chất tập trung cao độ của công nghiệp?

A. Tập trung tư liệu sản xuất. B. Thu hút nhiều lao động.

C. Tạo ra khối lượng lớn sản phẩm. D. Cần không gian rộng lớn.

**Câu 13.** Tính chất tập trung cao độ trong công nghiệp được thể hiện rõ ở việc

A. làm ra tư liệu sản xuất và sản phẩm tiêu dùng.

B. phân phối sản phẩm công nghiệp trên thị trường.

C. tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm.

D. tập trung nhiều điểm công nghiệp và xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 14.** Ý nào sau đây **chưa chính xác** về đặc điểm của ngành công nghiệp?

A. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.

B. Công nghiệp ngày càng sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

C. Sản xuất công nghiệp được phân công tỉ mỉ.

D. Có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

**Câu 15.** Ngành sản xuất công nghiệp khác với ngành nông nghiệp ở chỗ

A. đất trồng là tư liệu sản xuất. B. cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động.

C. phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện tự nhiên. D. ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

**Câu 16.** Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của một nước là

A. tỉ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP.

B. tỉ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP.

C. tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp.

D. tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp.

**Câu 17.** Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp là

A. Dân cư, nguồn lao động. B. Thị trường.

C. Cơ sỏ hạ tầng, vất chất kĩ thuật. D. Đường lối chính sách.

**Câu 18.** Các hình thức chuyên môn hóa, hợp tác hóa, liên hợp hóa có vai trò đặc biệt trong sản xuất công nghiệp vì

A. công nghiệp là tập hợp các hoạt động sản xuất để tạo ra sản phẩm.

B. công nghiệp có tính chất tập trung cao độ.

C. công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp.

D. công nghiệp có hai giai đoạn sản xuất.

**Câu 19.** Vai trò quan trọng của công nghiệp ở nông thôn và miền núi được xác định là

A. Nâng cao đời sống dân cư. B. Cải thiện quản lí sản xuất.

C. Xoá đói giảm nghèo. D. Công nghiệp hoá nông thôn.

**Câu 20.** Trình độ phát triển công nghiệp hoá của một nước biểu thị ở

A. Trình độ phát triển và sự lớn mạnh về kinh tế.

B. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật.

C. Trình độ lao động và khoa học kĩ thuật của một quốc gia.

D. Sức mạnh an ninh, quốc phòng của một quốc gia.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 8/3/2020 đến 14/3/2020)**

**BÀI 29: ĐỊA LÍ NGÀNH CHĂN NUÔI.**

Câu 1. Các vật nuôi vốn là

A. các động vật hoang được con người thuần dưỡng.

B. các động vật có trong “Sách Đỏ Việt Nam”.

C. các loài gia súc gần gủi với con người.

D. các loài động vật ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 2. Vai trò cơ bản và quan trọng nhất của ngành chăn nuôi là cung cấp

A. nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.

B. nguồn thực phẩm có dinh dưỡng cao.

C. gen quý hiếm. D. nguyên liệu để sản xuất dược phẩm.

Câu 3. Để tạo ra nền nông nghiệp bền vững, ngành chăn nuôi cần phải kết hợp với ngành

A. lâm nghiệp. B. thủy sản. C. dịch vụ nông nghiệp. D. trồng trọt.

Câu 4. Loại gia súc được nuôi nhiều ở vùng trồng cây lương thực là

A. trâu. B. bò. C. lợn. D. dê.

Câu 5. Nhân tố quan trọng nhất đối với sự phát triển và phân bố chăn nuôi là

A. thức ăn. B. dịch vụ thú y. C. hệ thống chuồng trại. D. nhu cầu của thị trường.

Câu 6. Trâu được nuôi nhiều ở

A. các đồng cỏ tươi tốt. B. các đồng cỏ ở vùng nhiệt đới ẩm.

C. trên thảo nguyên ôn đới và cận nhiệt. D. trong các hoang mạc ở miền cận nhiệt đới.

Câu 7. Loài nào sau đây **không** phải là thủy sản?

A. Đồi mồi. B. Chim yến.

C. Cá basa. D. Tôm hùm.

Câu 8. Nguồn thủy sản cung cấp cho thế giới nhiều nhất đến từ

A. khai thác ở sông, suối. B. nuôi trong các ao, hồ, đầm.

C. khai thác từ các biển và đại dương. D. nuôi ở các vùng ven biển.

Câu 9. Điểm giống nhau về vai trò của ngành thủy sản và ngành chăn nuôi là

A. cung cấp nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng cho con người.

B. cung cấp sức kéo cho trồng trọt.

C. cung cấp các nguyên tố vi lượng từ biển như iốt, canxi, natri...

D. cung cấp phân bón cho trồng trọt.

Câu 10. Ngoài các đồng cỏ tự nhiên, thức ăn của ngành chăn nuôi hiện nay được lấy nhiều nhất từ

A. ngành trồng trọt. B. ngành thủy sản.

C. ngành lâm nghiệp. D. phụ phẩm của ngành công nghiệp chế biến.

Câu 11. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có những tiến bộ vượt bật nhờ vào

A. lực lượng lao động dồi dào. B. thành tựu khoa học kỹ thuật.

C. sự thuận lợi của điều kiện tự nhiên. D. kinh nghiệm sản xuất của con người.

Câu 12. Hình thức chăn nuôi nào sau đây là biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại?

A. Chăn nuôi chăn thả. B. Chăn nuôi chuồng trại.

C. Chăn nuôi công nghiệp. D. Chăn nuôi nửa chuồng trại.

Câu 13. Gia cầm thường được nuôi nhiều nhất ở

A. vùng chuyên lương thực. B. vùng chuyên canh hoa màu.

C. vùng nuôi trồng thủy sản. D. các đô thị gắn với thị trường tiêu thụ lớn.

Câu 14. Loài gia súc được nuôi nhiều ở các vùng khô hạn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt là

A. trâu. B. bò. C. lợn. D. dê.

Câu 15. Ngành nuôi trồng thủy sản đang phát triển theo hướng

A. nuôi quảng canh để tiết kiệm chi phí thức ăn.

B. nuôi thâm canh để tiết kiệm chi phí ban đầu.

C. nuôi những loài thời gian sinh trưởng ngắn để đáp ứng nhanh nhu cầu thị trường.

D. nuôi đặc sản và thực phẩm cao cấp có giá trị kinh tế cao.

Câu 16. Đối với các nước đang phát triển việc đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính khó khăn lớn nhất thường gặp là

A. tình trạng thiếu lương thực. B. thiếu các đồng cỏ tự nhiên.

C. thiếu vốn đầu tư. D. thiếu giống tốt, trình độ kỹ thuật.

Câu 17. Lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng vì

A. vùng là vựa lúa lớn thứ hai của cả nước. B. thiếu các đồng cỏ tự nhiên.

C. khí hậu thuận lợi. D. thị trường tiêu thụ lớn.

Câu 18. Ngành nuôi trồng thủy sản đang phát triển nhanh hơn ngành khai thác là do

A. đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.

B. nguồn thủy sản tự nhiên đã cạn kiệt.

C. thiên tai ngày càng nhiều nên không thể đánh bắt được.

D. không phải đầu tư ban đầu.

Câu 19. Ở các nước đang phát triển chăn nuôi còn chiếm tỉ trọng nhỏ vì

A. cơ sở thức ăn không ổn định. B. cơ sở vật chất còn lạc hậu.

C. dịch vụ thú y, giống còn hạn chế. D. công nghiệp chế biến chưa phát triển.

Câu 20. Điểm khác nhau cơ bản dễ nhận thấy nhất về chăn nuôi giữa các nước phát triển và đang phát triển là

A. tỉ trọng trong cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp. B. cơ cấu ngành chăn nuôi.

C. phương pháp chăn nuôi. D. điều kiện chăn nuôi.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 2/3/2020 đến 7/3/2020)**

**BÀI 28. ĐỊA LÝ NGÀNH TRỒNG TRỌT**

**Câu 1**. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò cây lương thực?

A. Cung cấp tinh bột và chất dinh dưỡng cho người và gia súc.

B. Cung cấp đạm động vật bổ dưỡng cho con người.

C. Cung cấp các lâm sản, đặc sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

D. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ( tơ tằm, lông cừu…).

**Câu 2**. Các cây lương thực chính là

A. kê, cao lương, sắn B. lúa mì, lúa gạo, ngô

C. lúa mì, cao lương, khoai tây D. lúa gạo, ngô, yến mạch

**Câu 3.** Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm sinh thái của cây lúa mì?

A. Ưa khí hậu ấm, khô cần nhiệt độ thấp đầu thời kì sinh trưởng.

B. Ưa khí hậu nóng, ẩm chân ruộng ngập nước.

C. Ưa khí hậu nóng, đất ẩm, dễ thoát nước.

D. Ưa khí hậu ẩm, cần nhiệt độ thấp đầu thời kì sinh trưởng.

**Câu 4.** Cây lương thực được trồng rộng rãi nhất vì thích nghi được với nhiều loại khí hậu là

A. lúa mì B. Ngô C. lúa gạo D. khoai tây

**Câu 5.** Nhận định nào sau đây **không đúng** khi nói về vai trò của cây công nghiệp?

A. Nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng

B. Cung cấp các lâm sản, đặc sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất

C. Khắc phục được tính mùa vụ, tận dụng tài nguyên đất

D. Phá thế độc canh, góp phần bảo vệ môi trường

**Câu 6**. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm sinh thái của cây cao su?

A. Nhiệt, ẩm rất cao, thích hợp với đất phù sa mới.

B. Ưa nóng và ánh sáng, cần đất tốt nhiều phân bón.

C. Ưa nhiệt, ẩm, đất tơi xốp nhất là đất ba dan và đất đá vôi.

D. Ưa nhiệt, ẩm, thích hợp nhất với đất ba dan.

**Câu 7**. Trong các nhóm cây sau, nhóm nào thuộc loại cây lương thực?

A. lúa mì, khoai, sắn B. cà phê, cao su, hồ tiêu

C. cà phê, đậu tương, củ cải đường D. mía, ca cao, chè

**Câu 8.** Các nhóm cây trồng được phân chia thành các cây: lương thực, cây công nghiệp, cây thực phẩm là dựa vào cách phân loại

A. theo nguồn gốc cây trồng. B. theo thời gian sinh trưởng.

C. theo giá trị sử dụng. D. theo chức năng của sản phẩm.

**Câu 9.** Mục đích sử dụng lương thực ở các nước đang phát triển thường là

A. làm lương thực cho người. B. hàng hóa xuất khẩu.

C. nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. D. thức ăn cho chăn nuôi.

**Câu 10**.Loại cây trồng thích hợp với điều kiện sinh thái của vùng thảo nguyên nhiệt đới và ôn đới nóng

A. lúa mì. B. lúa gạo.

C. ngô. D. kê và cao lương.

**Câu 11.** Đặc điểm sinh thái phù hợp với cây lúa gạo ?

A. Thảo nguyên ôn đới và cận nhiệt. B. Nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt.

C. Thảo nguyên nhiệt đới và ôn đới nóng. D. Đồng cỏ và nửa hoang mạc.

**Câu 12**. Vùng trồng lúa gạo chủ yếu trên thế giới ?

A. Châu Á gió mùa. B. Quần đảo Caribê.

C. Phía đông Nam Mĩ. D. Tây Phi gió mùa.

**Câu 13**. Cây lương thực hiện nay đang nuôi sống hơn 50% dân số thế giới ?

A. Lúa mì. B. Lúa gạo.

C. Ngô. D. Lúa mạch và ngô.

**Câu 14**. Khu vực xuất khẩu lúa mì nhiều nhất trên thế giới hiện nay?

A. Tây Âu. B. Đông Á.

C. Trung Mĩ. D. Bắc Mĩ.

**Câu 15**. Nhận định nào sau đây đúng với đặc điểm của cây công nghiệp ?

A. Ưa khí hậu nóng, ẩm, đất phù sa và cần nhiều phân bón.

B. Ưa khí hậu ấm, khô, đất đai màu mỡ, cần nhiều phân bón.

C. Ưa khí hậu nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thích nghi với sự dao động của khí hậu

D. Ưa nhiệt, ưa ẩm, cần đất thích hợp và cần nhiều lao động có kĩ thuật và kinh nghiệm.

**Câu 16.** Loại cây ưa nhiệt, ẩm, đất tươi xốp, nhất là đất bazan và đất đá vôi

A. đậu tương. B. cà phê.

C. cao Su. D. hồ Tiêu.

**Câu 17.** Loại cây nào sau đây chỉ phát triển được ở miền nhiệt đới?

A. Chè B. Củ cải đường C. Mía D. Ôliu

**Câu 18**. Khu vực nào sau đây có sản lượng cao su lớn nhất thế giới hiện nay ?

A. Trung Mĩ. B. Nam Mĩ.

C. Đông Nam Á. D. Bắc Phi.

**Câu 19.** Các vùng chuyên canh cây công nghiệp thường gắn với

A. các khu vực dân cư đông đúc. B. các xí nghiệp công nghiệp chế biến.

C. các cảng biển hoặc sân bay để xuất khẩu.

D. các thành phố lớn, nơi có nhu cầu tiêu thụ lớn.

**Câu 20.** Cây công nghiệp thường được trồng thành vùng chuyên canh vì?

A. Mỗi loại cây chỉ thích hợp với một loại đất và khí hậu riêng.

B. Cây công nghiệp đòi hỏi trình độ kĩ thuật cao, cần nhiều lao động để chăm sóc.

C. Đảm bảo nguyên liệu cho các nhà máy, cung cấp đầy đủ sản phẩm cho xuất khẩu.

D. Dễ dàng thực hiện cơ giới hóa.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 24/2/2020 đến 29/2/2020)**

BÀI 27:**VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

 **TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP.**

**MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP.**

**Câu 1.** Ngành nông nghiệp có vai trò

A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người

B. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người

C. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế

D. vận chuyển người và hàng hóa.

**Câu 2.** Đất trồng là yếu tố không thể thay thế được trong nông nghiệp vì nó là

A. tư liệu sản xuất. B. đối tượng lao động.

C. quyết định cơ cấu cây trồng. D. khả năng phát triển nông nghiệp.

**Câu 3.** Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là

A. Máy móc và cây trồng B. Hàng tiêu dùng và vật nuôi

C. Cây trồng và vật nuôi D. Cây trồng và hàng tiêu dùng

**Câu 4.** Trang trại **không có** đặc điểm nào sau đây?

A. Sản xuất hàng hóa B. Chuyên môn hóa và thâm canh

C. Nhỏ lẻ, đa canh D. Sở hữu cá nhân, thuê mướn lao động

**Câu 5.** Hình thức nào là hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp?

A. Trang trại B. Vùng nông nghiệp

C. Hợp tác xã D. Nông trường quốc doanh

**Câu 6.** Vai trò nào sau đây **không đúng** với ngành sản xuất nông nghiệp?

A. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người

B. Đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến

C. Tạo ra máy móc thiết bị cho sản xuất

D. Mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ

**Câu 7.** Đặc điểm nào sâu đây **không** đúng với ngành nông nghiệp?

A. Cây trồng, vật nuôi là đối tượng lao động

B. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu

C. Sản xuất không phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

D. Sản xuất có tính thời vụ

**Câu 8:** Diện tích canh tác trên thế giới hiện nay chủ yếu dùng để:

A. Trồng cây lương thực B. cây công nghiệp ngắn ngày

C. Cây công nghiệp lâu năm D. Cây thực phẩm

**Câu 9.** Các nông sản ở các nước đang phát triển hiện nay đóng góp phần lớn trong GDP vì nó có giá trị làm:

A. Nguyên liệu. B. Lương thực.

C. Hàng xuất khẩu. D. Hàng tiểu thủ công nghiệp.

Câu 10. Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành một ngành sản xuất hàng hoá biểu hiện của xu hướng này là hình thành

A. các hợp tác xã. B. vùng chuyên môn hoá nông nghiệp.

C. vùng sản xuất nông sản. D. các nông trường quốc doanh

**Câu 11.** Xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lý, đa dạng hoá sản xuất (tăng vụ, xen can, gối vụ), vì nông nghiệp:

A. Có tính vụ mùa. B. Phụ thuộc điều kiện tự nhiên.

C. Trở thành ngành sản xuất hàng hoá. D. cung cấp hàng hóa xuất khẩu

**Câu 12.** Biện pháp để sử dụng đất nông nghiệp hiện nay có hiệu quả:

A. Mở rộng diện tích đất canh tác.

B. Nâng cao độ phì cho đất, sử dụng hợp lý, tiết kiệm đất.

C. Trồng rừng chống xói mòn đất.

D. Tăng vụ để tăng thêm sản lượng

**Câu 13.** Mục đích chủ yếu của trang trại là sản xuất hàng hóa với cách thức tổ chức và quản lí sản xuất tiến bộ dựa trên

A. Tập quán canh tác cổ truyền. B. Chuyên môn hóa và thâm canh.

C. Công cụ thủ công và sức người. D. Nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.

**Câu 14.** Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp mà không ngành nào có thể thay thế được là

A. Cung cấp nguyên liệu cho các nghành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

B. Cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

C. Tạo việc làm cho người lao động.

D. Sản xuất ra những mặt hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.

**Câu 15:**Nhân tố nào làm giảm tính phụ thuộc vào tự nhiên của nông nghiệp?

A. Quan hệ sở hữu ruộng đất B. Dân cư lao động

C. Tiến bộ khoa học kỹ thuật D. Thị trường

**Câu 16:**Để khắc phục tính mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp cần phải?
A. Thay thế các cây ngắn ngày bằng các cây dài ngày.
B. Xây dựng cơ cấu nông nghiệp hợp lí, đa dạng hóa sản xuất.
C. Tập trung vào những cây trồng có khả năng chịu hạn tốt.
D. Tập trung vào một số cây trồng, vật nuôi.
**Câu 17:**Ý nghĩa của việc phân chia các vùng nông nghiệp là?
A. Đảm bảo lương thực, thực phẩm cho mỗi gia đình.
B. Tự cung, tự cấp các sản phẩm nông nghiệp trong vùng.
C. Phân bố cây trồng, vật nuôi phù hợp với các điều kiện sinh thái nông nghiệp.

D. Loại bỏ được tinh bấp bênh, không ổn định trong sản xuất nông nghiệp.
**Câu 18.** Cơ sở để phân bố và phát triển ngành chăn nuôi:

A. Đồng cỏ. B. Nguồn thức ăn. C. Sinh vật. D. Giống

**Câu 19:**Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là?

A. Sản xuất có tính mùa vụ.
B. Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
C. Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.
D. Ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.
**Câu 20:**Để đẩy mạnh thâm canh trong sản xuất nông nghiệp cần phải?

A. Nâng cao hệ số sử dụng đất. B. Duy trì và nâng cao độ phì nhiêu cho đất.
C. Đảm bảo nguồn nước trên mặt cho đất. D. Tăng cường bón phân hóa học cho đất.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 10/2/2020 đến 15/2/2020)**

**BÀI 24. PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ VÀ ĐÔ THỊ HÓA**

Câu 1. Khu vực nào sau đây có mật độ dân số cao nhất thế giới?

a. Đông Á. b. Nam Á. c. Tây Âu. d. Bắc Mỹ.

Câu 2. Khu vực có mật độ dân số thấp nhất thế giới là

a. Tây Á. b. Bắc Phi. c. Châu đại Dương. d. Trung Phi.

Câu 3. Mật độ dân số được tính bằng

a. số lao động tính trên đơn vị diện tích. b. số dân trên một đơn vị diện tích.

c. số người sinh ra trên một quốc gia. d. dân số trên một diện tích đất canh tác.

Câu 4. Đô thị hóa là một quá trình

a. tích cực nếu gắn liền với nông nghiệp b. tiêu cực nếu gắn liền với công nghiệp

c. tích cực nếu gắn liền với công nghiệp hóa

d. tiêu cực nếu quy mô các thành phố quá lớn.

Câu 5. Phân bố dân cư phải

a. phù hợp với điều kiện sống. b. phù hợp với giới tính.

c. phù hợp với tuổi. d. phù hợp với trình độ văn hóa.

Câu 6. Châu lục có dân số đông nhất là

a. châu Phi. b. Châu Mĩ. c. châu Á. d. châu Âu.

Câu 7. Châu lục có dân số thấp nhất là

a. châu Đại Dương. b. Châu Mĩ. c. châu Á. d. châu Âu.

Câu 8. Nhân tố có ý nghĩa quyết định đến phân bố dân cư là

a. điều kiện tự nhiên. b. chuyển cư.

c. lịch sử khai thác lãnh thổ. d. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Câu 9. Vùng thưa dân trên thế giới thường nằm ở

a. vùng có nhiều bão ven biển. b. vùng động đất núi lửa.

c. các đảo ven bờ. d. vùng hoang mạc

Câu 10. Nhận định nào sau đây đúng về đặc điểm đô thị hóa trên thế giới?

a. Tỷ lệ dân thành thị giảm. b. Tỷ lệ dân nông thôn tăng.

c. Dân cư tâp trung vào các thành phố vừa và nhỏ.

d. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

Câu 11. Nhận định nào sau đây **không đúng** về đặc điểm đô thị hóa trên thế giới?

a. Tỷ lệ dân thành thị tăng. b. Tỷ lệ dân nông thôn tăng.

c. Dân cư tâp trung vào các thành lớn và cực lớn d. Phổ biến rộng rãi lối sống thành thị.

Câu 12. Nhận định nào sau đây **không đúng** về ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa?

a. Kinh tế tăng trưởng nhanh. b. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch.

c. Thay đổi quá trình sinh, tử. d. Nông thôn mất đi nguồn nhân lực

Câu 12. Nhận định nào sau đây **không đúng** về ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa?

a. Kinh tế tăng trưởng nhanh. b. Nông thôn mất đi nguồn nhân lực.

c. Thiếu việc làm. d. Môi trường bị ô nhiễm.

Câu 13. Hiện nay lối sống đô thị ngày càng được phổ biến rộng rãi vì

a. kinh tế nông thôn ngày càng phát triển.

b. giao thông vận tải và thông tin liên lạc ngày càng phát triển

c. dân thành thị di cư về nông thôn.

d. dân nông thôn di cư về thành thị.

Câu 14. Nhận định nào sau đây **chưa chính xác** về phân bố dân cư trên thế giới?

a. Là hoạt động mang tính bản năng không theo quy luật.

b. Hoạt động có ý thức, có quy luật.

c. Dân cư tập trung đông trong các thành phố lớn.

d. Phân bố dân cư không đều theo không gian

Câu 15. Châu Á có dân số đông nhất thé giới là do

a. có tốc độ gia tăng tự nhiên cao. b. dân từ châu Âu di cư sang.

c. tăng trưởng kinh tế cao. d. dân cư chuyển dịch từ nông thôn lên thành thị.

Câu 16. Dân số châu Phi giảm mạnh trong giai đoạn 1650 đến 1850 là do

a. các dòng di cư sang châu Mĩ. b. gia tăng tự nhiên giảm.

c. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. d. nghèo đói, bệnh tật.

Câu 17. Các điểm dân cư thành thị có mật độ dân cư rất cao là vì

a. gần các nguồn tài nguyên khoáng sản. b. có khí hậu mát mẻ.

c. hoạt động phi nông nghiệp là chủ yếu. d. hoạt động nông nghiệp là chủ yếu.

Câu 18. Khu vực châu Á gió mùa có mật độ dân số cao nhất thế giới là do

a. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, mức sinh cao.

b. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, nhập cư cao.

c. trình độ phát triển kinh tế cao, mức sinh cao.

d. trình độ phát trinh kinh tế thấp, mức sinh thấp.

Câu 19. Ở nước ta, đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất cả nước, lý do chính là

a. tính chất của nền kinh tế. b. có diện tích lớn hơn.

c. có mùa đông lạnh. d. lịch sử khai thác lãnh thổ sớm.

Câu 20. Những thành phố nào của nước ta có qui mô trên một triệu dân ?

a. Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh. b. Hà Nội, Cần Thơ.

c.Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng d. Tp Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 17/2/2020 đến 22/2/2020)**

**Bài 26: Cơ cấu nền kinh tế**

**Câu 1:** Trong các căn cứ sau đây căn cứ nào để phân loại nguồn lực?

A. Vai trò và thuộc tính. B. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.

C. Mức độ ảnh hưởng. D. Thời gian và công dụng.

**Câu 2:** Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân chia thành nguồn lực trong nước và ngoài nước?

A. Nguồn gốc. B. Phạm vi lãnh thổ.

C. Mức độ ảnh hưởng. D. Thời gian.

**Câu 3:** Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành:

A. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

B. Điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế.

C. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

D. Điều kiện tự nhiên, nhân văn, hỗn hợp.

**Câu 4:** Tất cả các yếu tố ở bên trong của một nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó, được gọi là

A. nguồn lực tự nhiên. B. nguồn lực kinh tế - xã hội.

C. nguồn lực bên trong. D. nguồn lực bên ngoài.

**Câu 5:** Vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là

A. nguồn lực tự nhiên. B. nguồn lực tự nhiên – xã hội.

C. nguồn lực từ bên trong. D. nguồn lực từ bên ngoài.

**Câu 6:** Cơ cấu nền kinh tế bao gồm:

A. Nông – lâm - ngư nghiệp, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ.

B. Toàn cầu và khu vực, quốc gia, vùng.

C. Ngành kinh tế, thành phần kinh tế, cấu lãnh thổ.

D. Khu vực kinh tế trong nước, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 7:** Bộ phận cơ bản nhất của cơ cấu nền kinh tế, phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là

A. cơ cấu ngành kinh tế. B. cơ cấu thành phần kinh tế.

C. cơ cấu lãnh thổ. D. cơ cấu lao động.

**Câu 8:** Cơ cấu kinh tế nào sau đây được hình thành dựa trên chế độ sở hữu?

A. cơ cấu lãnh thổ. B. cơ cấu ngành kinh tế.

C. cơ cấu thành phần kinh tế. D. cơ cấu lao động.

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về nguồn lực?

A. Là tổng thể các yếu tố trong và ngoài nước có thể được khai thác và không có sức ảnh hưởng đến sự phát triển của một lãnh thổ nhất định.

B. Là tổng thể vị trí địa lí, các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể khai thác để phục vụ cho sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

C. Là hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách có thể được khai thác nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

D. Là hệ thống vốn và thị trường có thể được khai thác nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

**Câu 10:** Nguồn lực có thể được khai thác nhằm phục vụ cho

A. sự tiến bộ xã hội của một lãnh thổ nhất định.

B. nâng cao cuộc sống của một lãnh thổ nhất định.

C. phát triển kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

D. việc đảm bảo kinh tế của một lãnh thổ nhất định.

**Câu 11:** Trong xu thế hội nhập của nền kinh tế thế giới, nguồn lực có tinh chất định hướng phát triển có lợi nhất trong việc xây dựng các mối quan hệ giữa các quốc gia là

A. tài nguyên thiên nhiên. B. vốn.

C. vị trí địa lí. D. thị trường.

**Câu 12:** “Là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất” là vai trò của nguồn lực nào sau đây?

A. Tự nhiên. B. Vị trí địa lí. C. kinh tế - xã hội. D. Trong và ngoài nước.

**Câu 13:** “Tạo thuận lợi hay khó khăn trong việc trao đổi, tiếp cận” là vai trò của nguồn lực nào sau đây?

A. Tự nhiên. B. Vị trí địa lí. C. kinh tế - xã hội. D. Trong và ngoài nước.

**Câu 14:** “Là cơ sở để lựa chọn chiến lược phát triển kinh tế” là vai trò của nguồn lực nào sau đây?

A. Tự nhiên. B. Vị trí địa lí. C. kinh tế - xã hội. D. Trong và ngoài nước.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vai trò của nguồn lực tự nhiên?

A. Là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất.

B. Vừa phục vụ trực tiếp cho cuộc sống, vừa phục vụ phát triển kinh tế.

C. Quyết định sự phát triển của nền kinh tế và xã hội loài người.

D. Sự giàu có và đa dạng về tài nguyên thiên nhiên tạo lợi thế quan trọng cho sự phát triển.

**Câu 16:** Nguồn lực có vai trò như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

A. Thứ yếu. B. Chủ đạo. C. Quyết định. D. Quan trọng.

**Câu 17:** Nguồn lực kinh tế - xã hội quan trọng nhất có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế của một đất nước là

A. khoa học – kĩ thuật và công nghệ. B. nguồn vốn.

C. thị trường tiêu thụ. D. con người.

**Câu 18:** Trong giai đoạn hiện nay, cơ cấu ngành kinh tế của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam đang chuyển dịch theo hướng

A. giảm khu vực I, tăng khu vực II và III. B. giảm khu vực I và II, tăng khu vực III.

C. tăng khu vực I, giảm khu vực II và III. D. tăng khu vực I và II, giảm khu vực III.

**Câu 19:** Phát biểu nào sau đây đúng với cơ cấu lãnh thổ?

A. Là sự phân hóa về điều kiện tự nhiên theo lãnh thổ.

B. Là sản phẩm của quá trình phân công lao động theo lãnh thổ.

C. Là khả năng thu hút vốn đầu tư theo lãnh thổ.

D. Là sự phân bố dân cư theo lãnh thổ.

**Câu 20:** Để nhanh chóng thoát khỏi tụt hậu, các nước đang phát triển phải

A. khai thác triệt để các nguồn nhân lực của đất nước.

B. sử dụng hợp lí các nguồn lực có sẵn kết hợp với nguồn lực từ bên ngoài.

C. dựa hoàn toàn vào các nguồn lực bên ngoài.

D. dử dụng các nguồn lực bên trong, không sử dụng các nguồn lực từ bên ngoài.

**TRƯỜNG THPT ỨNG HÒA B**

**Tổ: Sinh – Địa – Thể dục – GDQP**

**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**(Từ 30/3/2020 đến 5/4/2020)**

**MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

**Câu 1.** Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất là

A. điểm công nghiệp. B. vùng công nghiệp.

C. trung Tâm công nghiệp. D. khu công nghiệp tập trung.

**Câu 2.** Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp được hình thành có vai trò

A. nhằm sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên, vật chất và lao động.

B. nhằm hạn chề tối đa các tác hại do hoạt động công nghiệp gây ra.

C. nhằm phân bố hợp lí nguồn lao động giữa miền núi và đồng bằng.

D. nhằm áp dụng có hiệu quả thành tựu KHKT vào sản xuất.

**Câu 3.** Đặc điểm nào sau đây thuộc về khu công nghiệp tập trung?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư.

B. Các xí nghệp, không có mối liên kết nhau.

C. Có ranh giới rõ ràng, được đặt nơi có vị trí thuận lợi.

D. Gắn liền với đô thị vừa và lớn.

**Câu 4.** Các trung tâm công nghiệp được phân bố ở những nơi:

A. Thị trường lao động rẻ. B. Giao thông thuận lợi.

C. Nguồn nguyên liệu phong phú D. Những thành phố lớn.

**Câu 5.** Hình thức cơ bản nhất để tiến hành hoạt động công nghiệp là

A. vùng công nghiệp. B. điểm công nghiệp.

C. khu công nghiệp. D. trung tâm công nghiệp.

**Câu 6.** Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như sau:

A. Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.

B. Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.

C. Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp.

D. Vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp.

**Câu 7.** Khu vực có ranh giới rõ ràng, tập trung tương đối nhiều xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất

 cao là đặc điểm của

A. điểm công nghiệp. B. khu công nghiệp.

C. trung tâm công nghiệp. D. vùng công nghiệp.

**Câu 8.** Ý nào sau đây thể hiện đặc điểm trung tâm công nghiệp?

A. Là một điểm dân cư trong đó có vài xí nghiệp công nghiệp.

B. Không gian rộng lớn, tập trung nhiều xí nghiệp công nghiệp với chức năng khác nhau.

C. Có ranh giới rõ ràng, có quy mô từ vài chục đến vài trăm hecta.

D. Khu vực tập trung công nghiệp gắn liền với một đô thị có quy mô từ vừa đến lớn.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không**đúng về điểm công nghiệp?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư.

B. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

C. Được đặt ở những nơi gần nguồn nguyên, nhiên liệu, nông sản.

D. Có xí nghiệp nòng cốt, một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

**Câu 10.** Cơ sở hạ tầng thiết yếu của một khu công nghiệp là có

A. các loại hình giao thông. B. nhiều nhà máy xí nghiệp.

C. bãi kho, bến cảng và hệ thống giao thông.

D. điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc.

**Câu 11.** Ý nào sau đây **không** thuộc khu công nghiệp tập trung?

A. Có vị trí thuận lợi gần bến cảng, sân bay.

B. Gồm nhiều nhà máy xí nghiệp có quan hệ với nhau.

C. Có các xí nghiệp phục vụ, bổ trợ.

D. Gắn liền với đô thị vừa và lớn.

**Câu 12.** Ý nào sau đây là đặc điểm chính của vùng công nghiệp?

A. Có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

B. Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

C. Tập trung ít xí nghiệp, không có mối liên hệ với nhau.

D. Sản xuất các sản phẩm để tiêu dùng và xuất khẩu

**Câu 13. “**Điểm công nghiệp” được hiểu là

A. một đặc khu kinh tế, có cơ sở hạ tầng thuận lợi.

B. một điểm dân cư có 1 đến 2 xí nghiệp công nghiệp, gần vùng nguyên liệu.

C. một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.

D. một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

**Câu 14.** Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa, đó là đặc điểm nổi bật của

A. trung tâm công nghiệp. B. khu công nghiệp tập trung.

C. điểm công nghiệp. D. vùng công nghiệp.

**Câu 15.** Tổ chức lãnh thổ công nghiệp phổ biến nhất ở các nước đang phát triển là

A. điểm công nghiệp. B. khu công nghiệp tập trung.

C. trung tâm công nghiệp. D. vùng công nghiệp.

**Câu 16.** Ý nào sau đây đúng nhất khi so sánh điểm khác nhau cơ bản giữa khu công nghiệp và điểm công nghiệp?

A. quy mô rộng lớn, ranh giới rõ ràng, được đặt ở vị trí thuận lợi.

B. quy mô rộng lớn, đồng nhất với điểm dân cư, nằm gần nguồn nguyên liệu, nông sản.

C. có ranh giới rõ ràng, gồm 1 đến 2 xí nghiệp công nghiệp không có mối liên hệ với nhau.

D. đồng nhất với điểm dân cư, gồm nhiều nhà máy, xí nghiệp có mối liên hệ sản xuất với nhau .

**Câu 17.** Điểm khác nhau giữatrung tâm công nghiệp với vùng công nghiệp là

A. có nhiều xí nghiệp công nghiệp.

B. vùng công nghiệp có quy mô lớn hơn trung tâm công nghiệp.

C. có các nhà máy, xí nghiệp bổ trợ phục vụ.

D. sản phẩm vừa tiêu thụ trong nước vừa xuất khẩu.

**Câu 18.** Ở Việt Nam, trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp?

A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một.

C. TP.Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.